

ĐỊNH MỨC DÙNG CHO BẢO DƯỠNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Định mức bảo dưỡng thường xuyên
đường giao thông nông thôn

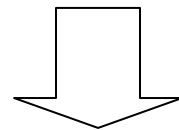
Định mức bảo dưỡng thường xuyên
đường bộ

Định mức dự toán công tác sửa chữa
trong xây dựng cơ bản

**Xác định nhu cầu bảo dưỡng dự tính
trong một năm cho mỗi km của một số
loại đường GTNT**

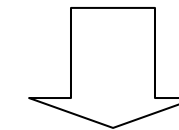
**Xác định nhu cầu bảo dưỡng dự tính
trong một năm cho mỗi km của các
loại đường giao thông, trong đó có
đường giao thông nông thôn**

**Xác định yêu cầu vật liệu, nhân công và
máy móc cần thiết cho một hạng mục
công việc sửa chữa đường giao thông**



Mặt đường đá dăm rộng 2,5-3.5 m; nền 4-6 m; tính cho 1km/năm

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Định mức khối lượng SCTX			Năng xuất bình quân
			Miền núi	Trung du	Đồng bằng	
A	<u>Công tác quản lý</u>					
1	Tuần tra, xử lý vi phạm	Công				
B	<u>An toàn giao thông</u>					
2	Sơn chính cọc tiêu biển báo cho ngay ngắn	-				
C	<u>Nền đường và thoát nước</u>					
3	Phát cây cỏ	-				
4	Khơi rãnh trời mưa	-				
5	Vét rãnh dọc	m				
6	Bạt lè	m ²				
7	Đào rãnh dọc, ngang	m ³				
8	Đắp đất phụ nền, lè đường	-				
9	Hót sạt lở tẻ	-				
10	Vệ sinh khu vực thị trấn, thị tứ (nếu có)	Công				
D	<u>Mặt đường</u>					
11	Vá ổ gà cóc gặm	m ²				
12	Vệ sinh bù cát sạn	m ²				
13	Sử lý cao su mặt đường	m ²				
E	<u>Cống + Cầu < 10 m</u>					
14	Thông cống, thông dòng chảy	Công				
15	Thanh thải lòng cầu, vệ sinh mặt cầu	Công				



Vá ổ gà bằng cấp phối tự nhiên

Đơn vị tính: 10 m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thi công bằng thủ công			
				Chiều dày mặt đường đã lèn ép (cm)			
				10	15	20	25
XR.11	Vá mặt đường bằng đất cấp phối tự nhiên	<u>Vật liệu</u> Đất cấp phối tự nhiên	m ³	1,45	2,17	2,90	3,63
		Nhân công 4/7	côn g	2,38	3,61	4,77	6,47
		Máy thi công Ô tô chở nước 5m ³	ca	0,007	0,008	0,009	0,01
				11	12	13	14